

Số: 92/NQ-HĐND

Hòn Đất, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn huyện; thu, chi ngân sách địa phương năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Xét Tờ trình số 280/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất về việc điều chỉnh dự toán thu NSNN trên địa bàn huyện; thu, chi ngân sách địa phương; phân bổ ngân sách địa phương năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện; thu, chi ngân sách địa phương năm 2021. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện

Điều chỉnh tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện từ 91.500 triệu đồng lên 95.000 triệu đồng, tăng 3.500 triệu đồng:

- Thu tiền sử dụng đất từ 3.000 triệu đồng lên 6.500 triệu đồng, tăng 3.500 triệu đồng.

2. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách địa phương

Điều chỉnh tổng dự toán thu ngân sách địa phương từ 863.412 triệu đồng lên 886.413 triệu đồng, tăng 23.001 triệu đồng:

- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên từ 584.045 triệu đồng lên 604.846 triệu đồng, tăng 20.801 triệu đồng.

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp từ 57.250 triệu đồng lên 59.450 triệu đồng, tăng 2.200 triệu đồng (tăng nguồn thu tiền sử dụng đất huyện được để lại chi đầu tư từ 1.800 triệu đồng lên 4.000 triệu đồng, tăng 2.200 triệu đồng).

3. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương

Điều chỉnh tổng dự toán chi ngân sách địa phương từ 863.412 triệu đồng lên 886.413 triệu đồng, tăng 23.001 triệu đồng:

- Chi đầu tư phát triển từ 124.177 triệu đồng xuống 124.050 triệu đồng, giảm 127 triệu đồng.

- Chi thường xuyên từ 659.961 triệu đồng lên 677.440 triệu đồng, tăng 17.479 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách từ 9.333 triệu đồng lên 11.772 triệu đồng, tăng 2.439 triệu đồng.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau từ 62.199 triệu đồng lên 65.409 triệu đồng, tăng 3.210 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu số 15, 16, 17)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- LĐVP HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT tổng hợp huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Tân

Biểu số 15

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

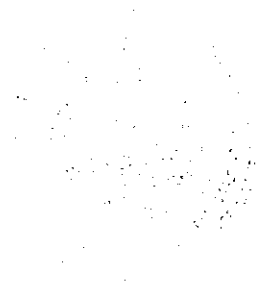


CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021
của HĐND huyện Hòn Đất)*

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán HĐND đã giao	Dự toán điều chỉnh (+,-)	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	863.412	23.001	886.413
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	57.250	2.200	59.450
-	Thu NSDP hưởng 100%	6.750		6.750
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	48.700		48.700
-	Thu tiền SDD huyện được để lại chi đầu tư	1.800	2.200	4.000
-	Thu huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương			
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	584.045	20.801	604.846
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	322.897		322.897
2	Thu bổ sung có mục tiêu	261.148	20.801	281.949
III	Thu kết dư			
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	222.117		222.117
B	TỔNG CHI NSDP	863.412	23.001	886.413
I	Tổng chi cân đối NSDP	801.213	19.791	821.004
1	Chi đầu tư phát triển (1)	124.177	-127	124.050
2	Chi thường xuyên	659.961	17.479	677.440
3	Dự phòng ngân sách	9.333	2.439	11.772
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.742		7.742
II	Chi nộp ngân sách cấp trên			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	62.199	3.210	65.409



Biểu số 16

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)



QUẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021
theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Hòa Bình

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán HĐND đã giao		Dự toán điều chỉnh (+, -)		Dự toán sau điều chỉnh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
	TỔNG THU NSNN	91.500	57.250	3.500	2.200	95.000	59.450
I	Thu nội địa	91.500	57.250	3.500	2.200	95.000	59.450
1	Khu vực DNNN địa phương	1.050	0	0	0	1.050	0
	- Thuế VAT, TNDN	1.050	0	0	0	1.050	0
	+ Thuế VAT	550	0			550	0
	+ Thuế TNDN	500	0			500	0
2	Thu thuế CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	26.100	25.200	0	0	26.100	25.200
	- Thuế VAT, TNDN	25.200	25.200	0	0	25.200	25.200
	+ Thuế VAT	21.100	21.100			21.100	21.100
	+ Thuế TNDN	4.100	4.100			4.100	4.100
	- Thuế tài nguyên	900	0			900	0
3	Lệ phí trước bạ	23.500	23.500			23.500	23.500
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0			0	0
5	Thuế nhà đất						

Số TT	Nội dung	Dự toán HĐND đã giao		Dự toán điều chỉnh (+,-)		Dự toán sau điều chỉnh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
6	Thuế thu nhập cá nhân	21.950	0			21.950	0
7	Thu tiền sử dụng đất	3.000	1.800	3.500	2.200	6.500	4.000
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	5.000	0			5.000	0
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	200	0			200	0
10	Thu phí và lệ phí	4.300	2.300	0	0	4.300	2.300
	- Phí, lệ phí Trung ương hưởng	2.000	0			2.000	0
	- Phí, lệ phí tỉnh hưởng	0	0			0	0
	- Phí, lệ phí huyện hưởng	1.200	1.200			1.200	1.200
	- Phí, lệ phí xã hưởng	1.100	1.100			1.100	1.100
11	Thu khác	6.400	4.450	0	0	6.400	4.450
	- Thu khác Trung ương hưởng	1.950	0			1.950	0
	- Thu khác ngân sách tỉnh hưởng	0	0			0	0
	- Thu khác ngân sách huyện	2.250	2.250			2.250	2.250
	- Thu khác cân đối xã	2.200	2.200			2.200	2.200
12	Thu huy động đóng góp XDCSHT		0				
13	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		0				

Biểu số 17

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)



PHỤ LỤC CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021
của HĐND huyện Hòn Đất)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán HĐND đã giao	Dự toán điều chỉnh (+,-)	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI NSĐP	863.412	23.001	886.413
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	801.213	19.791	821.004
I	Chi đầu tư phát triển	124.177	-127	124.050
1	Chi đầu tư cho các dự án	124.177	-127	124.050
a	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	124.177	-127	124.050
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	37.769		37.769
-	Chi Văn hóa - Thông tin	10.502		10.502
-	Chi y tế, dân số và gia đình	1.241		1.241
-	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	107		107
-	Chi bảo vệ môi trường	149		149
-	Chi các hoạt động kinh tế	61.951	-127	61.824
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	11.450		11.450
-	Chi đảm bảo xã hội	1.008		1.008
b	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	124.177	-127	124.050
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.855		1.855
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	65.572		65.572
-	Chi đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	17.851		17.851
-	Chi đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia	842		842
-	Chi đầu tư từ nguồn thu huy động xây dựng cơ sở hạ tầng	10.034		10.034
-	Chi đầu tư từ các nguồn vốn khác thuộc ngân sách cấp huyện	28.023	-127	27.896
II	Chi thường xuyên	659.961	17.479	677.440
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	297.444	-3.715	293.729
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Dự phòng ngân sách	9.333	2.439	11.772
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.742	0	7.742
V	Chi nộp ngân sách cấp trên			
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	62.199	3.210	65.409

